

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 19/2017/HSST
Ngày 03/7/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà: Vũ Thị Dung

2/ Ông: Nguyễn Đăng Hoàn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Hải – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 03 tháng 7 năm 2017, tại Công viên thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử lưu động, sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Đỗ Văn H, sinh năm 1993 (Tên gọi khác: T); HKTT: Tổ 4, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 10, Kp A, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn 10/12; Nghề nghiệp: Thợ rèn; Con ông: Đỗ Duy H (đã chết) và bà Đinh Thị L, sinh năm 1955; Sống chung như vợ chồng với: Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1994; Có 01 người con tên Nguyễn Ngọc Phương N, sinh năm 2011; Có 07 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 14/3/2017 bị Ủy ban nhân dân phường A ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 10/4/2017 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị bắt khẩn cấp tạm giam cho đến nay; Bị cáo có mặt.

Người bị hại:

Ông: Trần Văn H, sinh năm 1958; HKTT: Tổ 9, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo:

Bà: Đinh Thị L sinh năm 1955 (là mẹ của bị cáo); HKTT: Tổ 4, Kp P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Tổ 10, Kp A, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Nội trợ. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư: Lê Thị L, sinh năm 1960; Công tác tại văn phòng L & T thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1984; HKTT: Tổ 10, Kp A, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt

Người làm chứng:

Ông: Nguyễn Thái V, sinh năm 1994; HKTT: Tổ 4, Kp P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/4/2017, bị cáo điều khiển xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc đến quán cơm của bà Phạm Thị H ở tổ 13, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Gần quán cơm của bà H là bàn bán vé số của ông Trần Văn H. Bị cáo phát hiện có một chiếc xe mô tô hiệu Honda Cub, biển số kiểm soát 61-646EP (Của ông Trần Văn H) để phía sau bàn bán vé số không có người trông coi. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để sử dụng, bị cáo lén lút dùng chìa khóa mang theo trước đó mở công tắc điện và ổ khóa cổ xe, khi mở được khóa, bị cáo ngồi lên xe dùng chân đẩy đi khoảng 1 đến 2 mét rồi đạp nổ máy chạy đi.

Sau khi chiếm đoạt được xe của ông H, bị cáo sử dụng chạy lòng vòng thị xã B, đến khoảng 12 giờ cùng ngày bị cáo điều khiển xe đến tiệm internet “A” ở tổ 4, khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước để chơi internet.

Khi phát hiện bị mất xe, ông H trình báo, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm và phát hiện xe mô tô hiệu Honda Cub, biển số kiểm soát 61-646EP để trước mái hiên tiệm internet “A”. Cơ quan điều tra giữ xe và đưa bị cáo về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp chìa khóa mà bị cáo dùng để mở khóa trộm cắp chiếc xe trên. Sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ chiếc xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc mà bị cáo sử dụng để tại quán cơm của bà Phạm Thị H.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTT ngày 12/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B thì trị giá chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Honda Cub, màu sơn xám xanh, biển kiểm soát 61-646EP, số máy 9199713, số khung 9199765 đã qua sử dụng trị giá 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, màu sơn xám xanh, biển kiểm soát 61-646EP, số máy 9199713, số khung 91997 cho ông Trần Văn H và trả lại xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc cho bà Đỗ Thị H.

Tại bản cáo trạng số 16/Ctr – VKS ngày 16/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xử nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Đó là vào 11 giờ ngày 10/4/2017, tại tổ 13, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, màu sơn xám xanh, biển kiểm soát 61-646EP, số máy 9199713, số khung 9199765 của ông Trần Văn H. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng và của người bị hại tại Cơ quan điều tra. Phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra vụ án, với biên bản khám nghiệm hiện trường và tang vật thu giữ được, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Quá trình điều tra, bị cáo có những biểu hiện bất thường, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Viện

pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa giám định tình trạng tâm thần của bị cáo. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 239/KL-VPYTW ngày 25/5/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay bị cáo bị bệnh “Rối loạn nhân cách chống xã hội”; Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi thì tại thời điểm gây án và hiện nay bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Bộ luật hình sự “*Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự*”. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe của người bị hại và hiện nay bị cáo chỉ bị hạn chế năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, có đầy đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, các điểm b, h, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra; Về tang vật của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 02 chìa khóa, trong đó một chìa khóa bằng kim loại và một chìa khóa bằng kim loại có phần đuôi cầm bằng nhựa màu đen in dòng chữ “LILY WATER”; Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đối với việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long đưa ra xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự Luật sư không có ý kiến gì. Tuy nhiên, bị cáo chiếm đoạt xe của người bị hại chỉ nhằm mục đích để sử dụng chứ không bán cho ai khác. Sau khi phạm tội, bị cáo có tác động gia đình bồi thường và gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại. Bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại do tài sản đã được trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi phạm tội và hiện nay bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho

bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, g, h, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Tuy khi thực hiện hành vi trộm cắp xe của người bị hại, bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi nhưng bị cáo vẫn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện. Cụ thể là sau khi lén lút mở được khóa xe của người bị hại, bị cáo sợ người bị hại phát hiện nên ngồi lên xe dùng chân đẩy xe đi xa chỗ người bị hại ngồi rồi mới nổ máy chạy đi. Xét về nhân thân của bị cáo. Bị cáo là người nghiện ma túy, nhân thân xấu, có một tiền sự ngày 14/3/2017 bị Ủy ban nhân dân phường A ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động, học tập, sửa chữa bản thân để trở thành người có ích cho xã hội. Trái lại, đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt nghiêm và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

Tuy nhiên, Sau khi phạm tội, bị cáo có tác động gia đình bồi thường và mẹ của bị cáo là bà Đinh Thị L đã bồi thường cho ông Trần Văn H 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi phạm tội và hiện nay bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, n, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, các điểm b, h, n, p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 10 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, g, h, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, Luật sư đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với việc Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo vì bị cáo phạm tội chưa gây thiệt hại do tài sản đã được trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ. Việc bị cáo lén lút chiếm đoạt xe của người bị hại đã hoàn thành. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại là xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Theo hệ thống thang bảng lương của các doanh nghiệp đăng ký tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã B thì mức thu nhập của người lao động trên địa bàn thị xã B từ 3.500.000 đồng đến 4.500.000 đồng một tháng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của người bị hại trị giá 7.500.000 đồng là cao hơn 1,66 lần đến 2,12 lần so với thu nhập hàng tháng của người lao động trên địa bàn thị xã B. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đối với việc Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên mức hình phạt mà Luật sư đề nghị xử phạt đối với bị cáo là không tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với việc chị Đỗ Thị H để chiếc xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc tại nhà bà Đinh Thị L, bị cáo lấy và sử dụng xe đạp trên đi đến quán cơm của bà H sau đó thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị cáo lấy xe đi chị H không biết và cũng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị H là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Trần Văn H đã nhận lại tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Đinh Thị L (là mẹ của bị cáo) đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*). Bà L không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo tự ý lấy và sử dụng xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc của chị Đỗ Thị H, quá trình sử dụng bị cáo làm gãy một bàn đạp. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tang vật của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, màu sơn xám xanh, biển kiểm soát 61-646EP, số máy 9199713, số khung 9199765 bị cáo chiếm đoạt của người bị hại Trần Văn H. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe đạp hiệu “Martin” màu trắng bạc là tài sản của chị Đỗ Thị H, bị cáo tự ý lấy sử dụng đi đến quán cơm của bà H sau đó thực hiện hành vi phạm tội chị H không biết. Do đó, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho H là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 chìa khóa, trong đó một chìa khóa bằng kim loại là tài sản của bà Đinh Thị L bị cáo tự ý lấy bà L không biết. Tại phiên tòa bà L không yêu cầu trả lại chìa khóa trên. Xét thấy chìa khóa trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Một chìa khóa bằng kim loại có phần đuôi cầm bằng nhựa màu đen in dòng chữ “LILY WATER” là của bị cáo. Bị cáo sử dụng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định “Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm” “Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng”. Do đó, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật của vụ án, xử lý án phí là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Đỗ Văn H** (Tên gọi khác T) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; các điểm b, h, p, n khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2017.

2/ Xử lý tang vật của vụ án:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 02 chìa khóa, trong đó một chìa khóa bằng kim loại và một chìa khóa bằng kim loại có phần đuôi cầm bằng nhựa màu đen in dòng chữ “LILY WATER”.

Tang vật trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long quản lý theo biên bản bàn giao số 0002540 ngày 28/6/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Long và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long.

3/ Án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, luật sư bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- VKS ND thị xã Bình Long;
- Công an thị xã Bình Long;
- THA DS thị xã Bình Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ công an tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Đức